

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2020**  
(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng NSNN)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

ĐV tính: đồng

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý III năm 2020	Ước thực hiện/Dự toán năm 2020 (%)	Ước thực hiện Quý III năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	0			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.252.871.975			
*	Nguồn Ngân sách trong nước	12.252.871.975			
I	Chi quản lý hành chính				
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.042.279.243	4.647.099.872		
	Quỹ tiền lương và Kinh phí hoạt động theo định mức	7.042.279.243	4.647.099.872	65,99	
I.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.210.592.732	2.697.046.704	51,76	
1	Kinh phí hoạt động Pháp chế	395.900.000	30.170.000	7,62	
2	Đăng nhập phần mềm đăng ký tài sản (theo Công văn số 10809/BTC-QLCS ngày 10/8/2012 của Bộ Tài chính)	2.000.000	0	0,00	
3	Kinh phí tổ chức thuê thực hiện xây dựng Hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	321.750.000	0	0,00	
4	Kinh phí Hội đồng thẩm định giá đất	276.474.000	145.839.000	52,75	
5	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành cá tra năm 2019 (02 đợt)	105.560.000	22.051.000	20,89	
6	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành Lúa 02 vụ năm 2019	105.560.000	47.176.000	44,69	
7	Chi mua sắm trang phục thanh tra	18.442.000	17.374.000	94,21	
8	Công tác phí Thanh tra	48.780.000	22.485.000	46,09	
9	Kinh phí bồi dưỡng công tác tiếp dân	8.880.000	0	0,00	
10	Mua sắm máy móc, thiết bị và chi phí tổ chức mua sắm	100.000.000	9.000.000	9,00	
11	Sửa chữa tài sản và trang thiết bị	220.000.000	14.260.000	6,48	
12	Công tác phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất trong và ngoài tỉnh	400.000.000	65.000.000	16,25	
13	Ban biên tập công thông tin điện tử	187.080.000	60.000.000	32,07	
14	Kinh phí thực hiện hệ thống ISO	50.000.000	10.000.000	20,00	
15	Chi hoạt động Quỹ Phát triển đất	65.374.000	43.166.000	66,03	
16	Chi khen thưởng công chức cấp bộ khen	15.000.000	10.855.000	72,37	
17	Chi khác	150.000.000	115.534.000	77,02	
18	Chi khác	7.200.000	1.800.000	25,00	
19	Hỗ trợ công chức một cửa				
19	Chi phí tư vấn xây dựng mức thu tiền sử dụng đất khu vực biên đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	184.625.408	92.312.704	50,00	
20	Chi phí tiếp và làm việc với Đoàn công tác Trung ương	749.000.000	431.517.000	57,61	
21	Chi phí phục vụ Tổ công tác kiểm tra, rà soát nội dung khiếu nại của ông Tô Văn Chánh	10.000.000	24.000	0,24	
22	Chi phí học tập	30.000.000	5.983.000	19,94	



23	Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý của ngành tài chính	1.706.467.324	1.500.000.000	87,90	
24	Kinh phí mua sách phục vụ công tác ngành tài chính	52.500.000	52.500.000	100	
25	Chi phí mở Lớp "Hướng dẫn XD quy chế quản lý, sử dụng TS công; QC chi tiêu NB; XD đề án sử dụng TS công vào mục đích KD-DV, cho thuê liên doanh - liên kết"	150.000.000	149.971.000	100	
26	Thuê tư vấn thẩm định giá khởi điểm bán đấu giá các cơ sở nhà, đất	600.915.000	118.500.000	20	
27	Thuê tư vấn đo đạc hiện trạng nhà để thực hiện các thủ tục bán đấu giá	56.362.000	0	0	
28	Chi phí thuê kiểm toán tư vấn rà soát đặc biệt giá thành sản xuất nước sạch đối với Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	121.000.000	121.000.000	100	

Sóc Trăng, ngày 01 tháng 10 năm 2020

Kế toán

Nguyễn Thị Tô



KT. GIÁM ĐỐC Ủy  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Sở

